Chi tiết mã HS 0308.90.40

Mã HS	0308.90.40
Mô tả hàng hóa	Động vật thủy sinh không xương sống trừ động vật giáp xác và động vật thân mềm, sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật thủy sinh không xương sống hun khói trừ động vật giáp xác và động vật thân mềm, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói / - Loại khác: / - - Khô, muối hoặc ngâm nước muối
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 13:42:08
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/03089040/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K778
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N778
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q778
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ778
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E777
ATIGA	2022	2022	0	AT!E778
ATIGA	2023	2023	0	AT!F778
ATIGA	2024	2024	0	AT!G778
ATIGA	2025	2025	0	AT!H778
ATIGA	2026	2026	0	AT!I778
ATIGA	2027	2027	0	AT!J778
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E780
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F780
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G780
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H780

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I780
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J780
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E782
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F782
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G782
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H782
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I782
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J782
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F784
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H779
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F780
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G780
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H780
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I780
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J780
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K780
VKFTA	2022	2022	0	VK!E778
VKFTA	2023	2023	0	VK!F778
VKFTA	2024	2024	0	VK!G778
VKFTA	2025	2025	0	VK!H778
VKFTA	2026	2026	0	VK!I778
VKFTA	2027	2027	0	VK!J778
VCFTA	2022	2022	8	VC!D789
VCFTA	2023	2023	6	VC!E789
VCFTA	2024	2024	5	VC!F789
VCFTA	2025	2025	3	VC!G789

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	2	VC!H789
VCFTA	2027	2027	0	VC!I789
VN-EAEU	2022	2022	2,7	EAV!D786
VN-EAEU	2023	2023	1,8	EAV!E786
VN-EAEU	2024	2024	0,9	EAV!F786
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G786
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H786
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I786
AHKFTA	2022	2022	6	AKH!D795
AHKFTA	2023	2023	4	AKH!E795
AHKFTA	2024	2024	4	AKH!F795
AHKFTA	2025	2025	2	AKH!G795
AHKFTA	2026	2026	2	AKH!H795
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I795
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D779
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E779
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F779
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G779
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H779
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I779
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D781
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E781
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F781
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G781
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H781
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I781

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D779
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E779
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F779
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G779
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H779
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I779
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J779
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D782
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E782
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F782
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G782
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H782
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I782
RCEP B	2022	2022	0	B!D782
RCEP B	2023	2023	0	B!E782
RCEP B	2024	2024	0	B!F782
RCEP B	2025	2025	0	B!G782
RCEP B	2026	2026	0	B!H782
RCEP B	2027	2027	0	B!I782
RCEP C	2022	2022	0	C!D782
RCEP C	2023	2023	0	C!E782
RCEP C	2024	2024	0	C!F782
RCEP C	2025	2025	0	C!G782
RCEP C	2026	2026	0	C!H782
RCEP C	2027	2027	0	C!I782
RCEP D	2022	2022	0	D!D782

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E782
RCEP D	2024	2024	0	D!F782
RCEP D	2025	2025	0	D!G782
RCEP D	2026	2026	0	D!H782
RCEP D	2027	2027	0	D!I782
RCEP E	2022	2022	0	E!D782
RCEP E	2023	2023	0	E!E782
RCEP E	2024	2024	0	E!F782
RCEP E	2025	2025	0	E!G782
RCEP E	2026	2026	0	E!H782
RCEP E	2027	2027	0	E!I782
RCEP F	2022	2022	0	F!D782
RCEP F	2023	2023	0	F!E782
RCEP F	2024	2024	0	F!F782
RCEP F	2025	2025	0	F!G782
RCEP F	2026	2026	0	F!H782
RCEP F	2027	2027	0	F!I782
VIFTA	2024	2024	9	VI!F767
VIFTA	2025	2025	8	VI!G767
VIFTA	2026	2026	7	VI!H767
VIFTA	2027	2027	6	VI!I767

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)*		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Dược liệu làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM11)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0308.90 có 5 dòng thuế; dòng 0308.90.40 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Khô, muối hoặc ngâm nước muối.	0308.90.10 Sống; 0308.90.20 Tươi hoặc ướp lạnh; 0308.90.30 Đông lạnh; 0308.90.50 Hun khói	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0308.90.40. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 0308.90.40 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N778), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)*
Dược liệu làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM11)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.